TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27/3/2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Kiều

Bà Trần Thị Kim Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025, về việc:*"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Hoàng Đức A, sinh năm 1989; nơi thường trú: tổ F, khu G, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: chị Hoàng Thị T, sinh năm 1989; nơi ĐKTT: tổ F, khu G, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện nay: Hồ N, vắng mặt (đề nghị xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Hoàng Văn H, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1962; cùng nơi thường trú: tổ H, khu H, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (đề nghị xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Hoàng Đức A trình bày*: anh Hoàng Đức A và chị Hoàng Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh ngày 22/7/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với bố mẹ đẻ của anh Đức A tại tổ F, khu G, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, vợ chồng đều làm công nhân (anh Đức A làm Công ty T2, chị T làm Công ty T3). Ngoài ra, còn cãi nhau về những chuyệt lặt vặt trong gia đình, bất đồng quan

điểm trong việc dạy con; chị T cũng không hợp với bố mẹ chồng. Từ năm 2015 đến năm 2018, chị T nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, sau đó vợ chồng lại làm lành (có lúc thì chị T tự về, có lúc anh Đức A xuống đón về). Từ cuối năm 2018, chị T đưa các con về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay. Anh Đức A đến thăm con nhưng không gặp được chị T, nghe bố mẹ chị T nói là chị T đi làm ăn xa. Anh Đức A chỉ liên lạc được với chị T qua mạng xã hội để trao đổi về trách nhiệm nuôi con, không nói gì về việc đoàn tụ nên anh Đức A yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết cho anh Đức A được ly hôn chị T.

- Về con chung: anh Đức A và chị T có hai con chung là Hoàng Mạnh H1, sinh ngày 17/10/2011 và Hoàng Tiến Đ1, sinh ngày 08/01/2015. Anh Đức A đề nghị Tòa án giải quyết giao hai con chung cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi), anh Đức A không phải cấp dưỡng cho con. Do chị T đang ở Hồ N, anh Đức A đồng ý giao các con chung cho ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị Đ là bố mẹ đẻ của chị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị T về Việt Nam thực hiện quyền nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, anh Đức A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại đơn trình bày của bị đơn chị Hoàng Thị T (được hợp pháp hoá lãnh sự tại T4 tại Hồ N và Ma Cao ngày 24/02/2025), thể hiện nội dung*: chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Đức A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh ngày 22/07/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại tổ F, khu G phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Từ tháng 02/2019, chị T sang Hong Kong lánh nạn và sinh sống cho đến nay, vì quá xa cách nên chị T và anh Đức A phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Gia đình hai bên đã động viên, hòa giải nhưng không thành. Chị T đồng ý ly hôn anh Đức A, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh Đức A.

- Về con chung: chị T và anh Đức A có hai con chung là Hoàng Mạnh H1, sinh ngày 17/10/2011 và Hoàng Tiến Đ1, sinh ngày 08/01/2015. Từ khi sinh ra các con đều ở với chị T, từ khi chị T đi làm xa thì các con ở cùng với bố mẹ đẻ của chị T là ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị Đ, chị T vẫn gửi tiền về cho bố mẹ để chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Sau khi ly hôn, chị T đề nghị Toà án giải quyết cho chị T được quyền nuôi dưỡng các con chung cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi), chị T không yêu cầu anh Đức A phải cấp dưỡng cho con. Hiện nay chị T vẫn đang sinh sống và lánh nạn tại Hong Kong chưa về nước để thực hiện quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung ngay được. Chị T đề nghị Toà án tạm giao các con chung cho bố mẹ đẻ của chị T là ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị Đ nuôi dưỡng cho đến khi chị T về Việt Nam thực hiện quyền, nghĩa vụ nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị T đang sinh sống lánh nạn tại Hong Kong nên đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt chị T tại tất cả các buổi hoà giải, phiên họp và phiên tòa xét xử vụ án. Chị T ủy quyền cho anh Bùi Quang T1, sinh năm 1993; nơi cư trú: thôn A, xã S, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh thay chị T nhận các văn bản tố tụng, bản án của Tòa án giao (gửi) cho chị T, anh T1 có nghĩa vụ thông báo lại cho chị T biết.

** Tại biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị Đ, thể hiện*: chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Đức A kết hôn hợp pháp từ năm 2011. Sau khi kết hôn, chị T và anh Đức A về ở cùng với bố mẹ đẻ của anh Đức A tại tổ F, khu G, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Trước khi kết hôn, chị T làm công nhân Công ty T3; đến năm 2018, vợ chồng chị T hay xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau. Từ cuối năm 2018, chị T đưa hai con chung về ở với ông H – bà Đ được gần một năm thì chị T đi làm ăn xa (ở M, Q), thỉnh thoảng có về thăm con; từ cuối năm 2022, chị T không về thăm gia đình nhưng vẫn thường xuyên thông tin liên lạc với gia đình và gửi tiền về lo việc ăn học cho các con đầy đủ. Ông H và bà Đ không biết chị T làm ở công ty nào, địa chỉ ở đâu. Anh Đức A rất ít khi đến thăm các con. Nguyện vọng của ông H và bà Đ, là đề nghị Tòa án giao các con chung của chị T và anh Đức A cho chị T nuôi dưỡng, ông H và bà Đ sẽ hỗ trợ chị T nuôi con để cuộc sống của các cháu không bị xáo trộn, thay đổi. Ông H và bà Đ đề nghị Tòa án cho ông bà được vắng mặt trong các buổi làm việc và phiên tòa xét xử vụ án trên.

** Tại Biên bản lấy lời khai đề ngày 18/11/2024 và 06/3/2025, các cháu Hoàng Mạnh H1, sinh ngày 17/10/2011 và Hoàng Tiến Đ1, sinh ngày 08/01/2015 đều là con chung của anh Hoàng Đức A và chị Hoàng Thị T đều trình bày*: bố mẹ ly hôn, các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ, do mẹ cháu đang ở nước ngoài nên các cháu muốn ở với ông bà ngoại để đợi mẹ về nuôi các cháu.

* **Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:**

- Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán; Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án, đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Đức A như nêu trên. Căn cứ tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa; yêu cầu, quan điểm của nguyên đơn anh Hoàng Đức A, quan điểm của bị đơn chị Hoàng Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn H – bà Nguyễn Thị Đ. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh nhận thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Đức A đối với chị Hoàng Thị T.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Đức A và tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình tố tụng, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là:*"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn",* bị đơn chị Hoàng Thị T hiện đang sinh sống, làm việc tại Hồ N. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37 và

điểm a khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Nguyên đơn anh Hoàng Đức A vắng mặt tại phiên toà, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn chị Hoàng Thị T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, có bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Đức A và đề nghị được xét xử vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị Đ đều vắng mặt tại phiên tòa, đã đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự và công bố các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Hoàng Đức A và chị Hoàng Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh ngày 22/7/2011, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc, từ năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo anh Đức A trình bày là do kinh tế khó khăn, do cãi nhau về những chuyệt lặt vặt trong gia đình, do bất đồng quan điểm trong việc dạy con, do chị T cũng không hợp với bố mẹ chồng và từ cuối năm 2018, chị T đưa hai con chung về nhà bố mẹ đẻ ở; theo chị T trình bày là do từ tháng 02/2019, chị T sang Hong Kong lánh nạn và sinh sống cho đến nay, vì quá xa cách nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, tình cảm ngày càng rạn nứt, gia đình hai bên đã động viên, hòa giải nhưng không thành. Về nguyên nhân mâu thuẫn như anh Đức A và chị T trình bày, có căn cứ xác định anh Đức A và chị T đã không còn chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay, anh Đức A yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị T, chị T đồng ý. Căn cứ quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy anh Đức A và chị T không còn sống chung, vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, quan tâm giúp đỡ nhau cả về vật chất và tinh thần, không cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đức A đối với chị T.

[2.2] Về con chung: anh Hoàng Đức A và chị Hoàng Thị T có hai con chung là Hoàng Mạnh H1, sinh ngày 17/10/2011 và Hoàng Tiến Đ1, sinh ngày 08/01/2015. Từ khi chị T đi Hồ N, các con chung do bố mẹ đẻ của chị T là ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị Đ nuôi dưỡng, chị T vẫn gửi tiền về nuôi con. Anh Đức A và chị T cùng có quan điểm: khi ly hôn, yêu cầu Tòa án giải quyết giao các con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung cho đến khi thành niên; anh Đức A không phải cấp dưỡng cho các con; do chị T đang lánh nạn, sinh sống tại Hồ N, đề nghị Tòa án tạm giao các con chung cho bố mẹ đẻ chị T là ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi chị T về Việt Nam thực hiện quyền, nghĩa vụ nuôi con. Ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị Đ, có quan điểm đồng ý nhận sự ủy quyền của chị T. Căn cứ quy định tại các Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cùng với nguyện vọng của các

cháu Hoàng Mạnh H1 và Hoàng Tiến Đ1 là muốn được ở với mẹ. Hội đồng xét xử đã chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đức A đối với chị T nên chấp nhận yêu cầu, quan điểm của anh Đức A, chị T, ông H và bà Đ về phần nuôi con như nêu trên. Anh Đức A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: anh Hoàng Đức A và chị Hoàng Thị T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Hoàng Đức A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 và khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Đức A.

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Hoàng Đức A được ly hôn với chị Hoàng Thị T.

[2] Về con chung: giao cho chị Hoàng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hoàng Mạnh H1, sinh ngày 17/10/2011 và Hoàng Tiến Đ1, sinh ngày 08/01/2015 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Hoàng Đức A không phải cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, anh Hoàng Đức A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu anh Hoàng Đức A lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Hoàng Thị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Hoặc nhận thấy chị Hoàng Thị T không đủ điều kiện bảo đảm quyền lợi ích của con thì anh Hoàng Đức A có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Tạm giao các cháu Hoàng Mạnh H1, sinh ngày 17/10/2011 và Hoàng Tiến Đ1, sinh ngày 08/01/2015 cho ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi chị Hoàng Thị T về Việt Nam để thực hiện quyền, nghĩa vụ nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không có, anh Hoàng Đức A và chị Hoàng Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về án phí: anh Hoàng Đức A phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002450 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho: anh Hoàng Đức A, ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị Đ biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật; chị Hoàng Thị T biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh
- Lưu HSVA; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thúy Hằng